

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:170/2020/DS-PT

Ngày10/9/2020

*V/v: Tranh chấp đất đai &
hủy GCNQSDĐ.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;
Ông Mai Anh Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp đất đai, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Ph.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6457/2020/QĐPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Cụ Nguyễn Thị H, sinh 1931 (đã chết ngày 06/3/2019)

Nơi cư trú: số 1X đường Ng, quận A, thành phố Ph.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Các con của cụ Nguyễn Thị H gồm:

+ Bà Nguyễn Thị C, nơi cư trú: N, hiện không xác định được địa chỉ cụ thể; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T, nơi cư trú: huyện D, thành phố Ph, hiện không xác định được địa chỉ cụ thể; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Y, nơi cư trú: số 1X đường Ng, phường L, quận A, thành phố Ph; (bà Y từ chối tham gia tố tụng).

+ Bà Nguyễn Thị M, nơi cư trú: số 1X đường Ng, phường L, quận A, thành phố Ph; có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn P, nơi cư trú: số 202 đường Ng, phường L, quận A, thành phố Ph; (ông P từ chối tham gia tố tụng).

+ Ông Nguyễn Văn I, nơi cư trú: số 2E đường Ng, phường L, quận A, thành phố Ph; (ông I từ chối tham gia tố tụng).

+ Ông Nguyễn Văn G, nơi cư trú: miền Nam, hiện không xác định được địa chỉ cụ thể; vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông Lê Văn R, sinh 1950; nơi cư trú: số 2J đường Ng, phường L, quận A, thành phố Ph; vắng mặt (BL:91; ông R có ý kiến từ giai đoạn sơ thẩm: hiện ông R là thương binh nặng, đi lại khó khăn nên không tham gia các thủ tục tại tòa án được).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh 1962; nơi cư trú: số 1/2E đường Ng, phường L, quận A, thành phố Ph; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị K, nơi cư trú: số 2J đường Ng, phường L, quận A, thành phố Ph; vắng mặt.

3. UBND quận A, thành phố Ph; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Nguyên đơn trình bày: Ba gia đình là ông Nguyễn Quang B, ông Nguyễn Văn V, cụ Nguyễn Thị H có chung quyền sử dụng diện tích đất là 261,17m² đất (ao) tại thôn Tr, xã L, huyện A (nay là tổ Tr 2, phường L, quận A), thành phố Ph. Ngày 15/12/1994, ba gia đình thống nhất lập văn bản thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất thành 3 thửa, cụ thể như sau:

- Thửa thứ nhất: Diện tích 87m² thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông Nguyễn Văn V.

- Thửa thứ hai: Diện tích 86m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình cụ Nguyễn Thị H (ông Nguyễn Văn P con trai cụ H đại diện).

- Thửa thứ ba: Diện tích 87m² thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông Nguyễn Quang B.

Ngoài ra ba gia đình thống nhất để lại 1,17m² đất để làm ngõ đi chung.

Hiện nay thửa đất của gia đình bà H là thửa số 33, tờ bản đồ số 43, diện tích là 105m² đất thổ cư, chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị M. Năm 2004, gia đình cụ H xây dựng móng nhà trên toàn bộ diện tích đất, móng nhà đổ bê tông dày 30cm, chiều cao của móng nhà là 70cm (không có hồ sơ xây dựng).

Về thửa đất của ông Nguyễn Quang B đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn R, việc chuyển nhượng bằng giấy tờ viết tay. Ngày 31/8/2001, ông Lê Văn R được UBND huyện A1, thành phố Ph cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 107m² phần diện tích đất này bao gồm 4,5m² đất ông R đã lấn chiếm

của gia đình cụ H, cụ thể chiều rộng 0,45m về phía đông, chiều dài 10m về phía tiếp giáp với nhà ông R. Ngoài ra ông R đã phá vỡ móng nhà của cụ H lấn chiếm phần móng ở phía dưới rộng khoảng 40-45cm hướng chéo lên phía trên dài 10m. Sự việc trên gia đình cụ H đã báo với chính quyền địa phương giải quyết nhưng chính quyền địa phương không giải quyết và không lập văn bản.

Yêu cầu khởi kiện: Buộc ông Lê Văn R phải trả lại diện tích 4,5m² đất, có chiều rộng 0,45m, chiều dài 10m (phía tiếp giáp nhà ông R) và bồi thường móng nhà bị phá vỡ số tiền là 100.000.000đồng; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện A1 đã cấp cho ông Lê Văn R.

Bị đơn ông Lê Văn R và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị K trình bày:

Ngày 05/7/2001, gia đình ông R đã mua 107m² đất của ông Nguyễn Quang B, khi mua hai bên làm giấy viết tay có chữ ký của ông B và vợ con ông B, giá chuyển nhượng là 38.850.000đồng. Tại đơn xin chuyển nhượng bán tài sản ngày 02/7/2001 giữa ông Nguyễn Quang B và ông R, đơn có xác nhận của Trưởng thôn là ông Nguyễn Đức Đ (ông Đ đã chết). Ngày 31/8/2001, ông R được UBND huyện A1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 107m² đất tại xã L, huyện A1 là hợp pháp. Tại giấy chứng nhận của ông Nguyễn Quang B ngày 05/5/2016 (do nguyên đơn cung cấp) với nội dung ông B chuyển nhượng cho ông R 87m² đất là vu khống. Gia đình ông R đã xây dựng nhà trên diện tích đất đã mua. Khi xây không có giấy phép và không có hồ sơ xây dựng. Do vậy ông R và bà K không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các thủ tục tố tụng tại Tòa án, và đề nghị Tòa xét xử vắng mặt ông R và bà K.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 28/8/2019, Tòa án nhân dân thành phố Ph quyết định căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 4 Điều 34; Điều 74; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự; xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông nguyên đơn là cụ Nguyễn Thị H về yêu cầu buộc ông Lê Văn R phải trả lại 4,5m² đất có chiều rộng 0,45m, chiều dài 10m (phía tiếp giáp nhà ông R) và bồi thường móng nhà bị phá vỡ số tiền là 100.000.000 đồng và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện A1 cấp cho ông Lê Văn R.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Ch kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay vắng mặt bị đơn, giai đoạn xét xử sơ

thẩm có ý kiến xin vắng mặt vì lý do sức khỏe và vắng mặt những người kế thừa quyền tố tụng, do một số người từ chối tham gia tố tụng, một số người không xác định được địa chỉ; vắng mặt UBND quận A, thành phố Ph không có lý do; vắng mặt một số người liên quan không có lý do. Người kháng cáo đề nghị Tòa phúc thẩm tiến hành xét xử vì đã mở phiên tòa lần thứ 3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có ý kiến đây là phiên tòa được mở lần thứ 3, đối với vụ án; tuy một số người vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật, nên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử; Hội đồng phúc thẩm thảo luận và quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Ch giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và những nội dung khởi kiện như tại Tòa cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc ông Lê Văn R phải trả lại 4,5m² đất có chiều rộng 0,45m, chiều dài 10m (phía tiếp giáp nhà ông R); yêu cầu bồi thường móng nhà bị phá vỡ với số tiền là 100.000.000 đồng và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện A1 cấp cho ông Lê Văn R. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không bổ sung được chứng cứ, tài liệu nào mới liên quan đến nội dung kháng cáo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm công bố một số lời khai của bị đơn; những người liên quan và tài liệu của cơ quan quản lý đất đai qua các thời kỳ liên quan đến nội dung khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: phân tích quá trình sử dụng đất của 3 hộ gia đình, những ý kiến của người kháng cáo và các chứng cứ khác, tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không bổ sung được chứng cứ nào mới; trên cơ sở các tài liệu trong hồ sơ vụ án, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Nguyễn Văn Ch là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, trong hạn luật định, là hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Về tố tụng:

Nội dung đơn khởi kiện là quan hệ tranh chấp về đất đai và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ph theo quy định tại khoản 9 Điều 26 và khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cụ Nguyễn Thị H chết, có một số người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là hàng thừa kế thứ nhất của cụ H; Song các con của cụ H không cung cấp cho Tòa án địa chỉ của bà C, bà T, ông G. Tòa án cấp sơ thẩm đã gửi các thông báo quyết định tố tụng cho những người này thông qua người thân là các con của cụ H. Đối với bà Y, ông P và ông I đã từ chối tham gia tố tụng. Bị đơn ông Lê Văn R đã có ý kiến không tham gia từ giai đoạn sơ thẩm; bà Nguyễn Thị K vắng mặt; UBND quận A đã được triệu tập họp lần 2 nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự như nêu trên theo Điều 74, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc cụ Nguyễn Thị H ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Ch tham gia tố tụng. Do cụ H chết nên chấm dứt đối với Hợp đồng ủy quyền ngày 28/12/2017 theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 140 Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung: Xem xét nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của ông Nguyễn Văn Ch:

[2.1]. Yêu cầu của cụ Nguyễn Thị H buộc ông Lê Văn R phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 4,5 m² :

- Nguồn gốc đất tranh chấp: Theo các tài liệu có trong hồ sơ được xác định diện tích đất nhà cụ Nguyễn Thị H và nhà ông Lê Văn R đang sử dụng thể hiện (BL: 161) tại hồ sơ quản lý đất đai tại sổ mục kê năm 1976, thửa số 524, diện tích 660m² có nguồn gốc là đất sử dụng chuyên màu (thực tế là Ao) chủ sử dụng cụ Nguyễn S và được các hộ gia đình cùng nhau tự phân chia, thể hiện tại Giấy chia ao ngày 15/12/1994 do nguyên đơn xuất trình (BL:234, 235) thể hiện: 3 gia đình ông Nguyễn Văn V (là con cụ Nguyễn S), ông Nguyễn Văn P (là con cụ Nguyễn Thị H), ông Nguyễn Quang B đã tự chia với nhau (có sơ đồ của 3 gia đình kèm theo), cụ thể: Ông B được sử dụng 87m² (chiều rộng phía Tây 6,2m, phía Đông 5,45m); ông P 86m² (chiều rộng phía Tây 6m, phía Đông 5,4m), ông V 87m², (phía Tây rộng 6m, phía Đông rộng 5,45m). Mảnh đất này là ao chung không ai biết cụ thể diện tích là bao nhiêu; khi chia 3 gia đình tự cùng nhau đo chỉ áng chừng trên diện tích đất thực tế. Lời khai của ông Nguyễn Quang B: Có việc 3 gia đình thống nhất chia ao nhưng nội dung chia thế nào và chia cho ông B bao nhiêu thì ông B không nhớ. Tại biên bản xác minh của UBND phường L không chứng kiến việc 3 nhà tự chia ao, phù hợp với giấy chia ao nguyên đơn xuất trình không có chữ ký của UBND quận A chứng kiến và xác nhận. Với các tài liệu trên xác định được có việc 3 gia đình cụ H, ông B, ông V tự chia ao với nhau, nhưng diện tích cụ thể không chính xác (chỉ đo áng chừng trên diện tích đất thực tế).

-Quá trình 3 gia đình sử dụng đất được thể hiện tại các tài liệu của cơ quan quản lý về đất đai ở địa phương:

+ Đối với phần đất của cụ Nguyễn Thị H: Tại Sổ mục kê năm 1990 thể hiện: Tại thửa 1154, tờ bản đồ số 01, diện tích 99m² chủ sử dụng là cụ Nguyễn Thị H; Sổ mục kê năm 1998 thể hiện tại thửa số 33 tờ bản đồ số 43, diện tích 105,5m² chủ sử dụng bà Nguyễn Thị M (con gái của cụ H) hiện tại bà M đang sử dụng và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đối với phần đất của ông Lê Văn R (BL: 83): Ngày 02/7/2001 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Quang B: Sổ mục kê năm 1990 thể hiện tại thửa số 1154, tờ bản đồ số 01, diện tích 99m² chủ sử dụng là ông Nguyễn Quang B; Sổ mục kê năm 1998 thửa số 32 tờ bản đồ số 43 diện tích 107,7m² loại đất thổ cư quyền sử dụng mang tên bà Vũ Thị E (vợ ông B). Năm 2001 ông Lê Văn R đã được UBND huyện A1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/8/2001 có ghi nhận cụ thể: tại thửa số 32 tờ bản đồ số 43 diện tích là 107m²; có chiều dài mặt đường là 6,0 m (tại thời điểm ngày 25/3/2019 thực tế là 5,67m) (BL:115).

+ Theo xác minh ngày 06/8/2019, UBND quận A cung cấp: Diện tích đất của cụ H và ông R đang sử dụng trong sổ mục kê có sự biến động, thay đổi qua các thời kỳ là do sai số đo đạc vì trước đây diện tích đất này có trồng nhiều bụi tre, bụi dứa.

Như vậy, tại thời điểm năm 1990 - 1998 thể hiện trên sơ đồ quản lý diện tích đất của cụ Nguyễn Thị H là 105,5m² và diện tích đất của ông Nguyễn Quang B (bán cho ông Lê Văn R) là 107,7m²; so với diện tích đất tại giấy chia ao ngày 15/12/1994 của 3 gia đình cụ H, ông B, ông V thì diện tích đất sử dụng của mỗi gia đình đều có biến động theo hướng tăng lên như: chiều dài mặt đường của nhà cụ H từ 6m tăng lên là 6,36 m; còn chiều dài mặt đường của ông R từ 6,2m giảm còn 5,67m.

Theo kết quả trích đo sơ đồ thửa đất ngày 25/3/2019 (BL:115) thì mặt đường ngõ đi chung là 2m; chiều giáp mặt đường của gia đình cụ H, dài 6,06m, chiều giáp đất ông R là 18,7m; diện tích đất là 102,6m² (cũ là 86m²); còn chiều mặt đường đất ông R dài 5,67m, diện tích đất là 107,2m² (cũ là 87m²).

Đối chiếu với số liệu đo đạc khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 và số liệu trích đo sơ đồ đất năm 2019 thì có sự sai số chênh lệch không đáng kể, theo hướng chênh tăng diện tích cả 3 gia đình; mặt khác 3 gia đình cùng chia chung đất ao, sau khi chia cùng sử dụng liên tục, ổn định qua các thời kỳ cơ quan quản lý đất đai đo đạc lại, diện tích đất của cả 3 gia đình đều tăng lên, nhưng tương đối phù hợp với thực tế các hộ đã sử dụng từ trước cho đến nay. Như vậy diện tích đất của cụ H không bị thiếu hụt (mà còn tăng cả chiều dài mặt đường từ 6m tăng lên là 6,36m, cũng như toàn bộ diện tích từ cũ là 86m² tăng lên 102,6m²), nên không có căn cứ xác định ông R lấn chiếm đất sang nhà cụ H diện tích là 4,5m².

[2.2]. Xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện A1:

Theo Công văn số 94/CV-VPĐKĐ ngày 19/7/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện D trả lời: Đã tìm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn R có tên trong sổ theo dõi cấp, tuy nhiên trong kho lưu trữ không tìm thấy hồ sơ nêu trên. Bị đơn ông Lê Văn R cung cấp một đơn xin chuyển nhượng đất giữa ông B và ông R.

+ Xét đơn xin nhượng bán tài sản (dùng cho việc bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất) ngày 02/7/2001 (bản photo), theo lời khai của ông R khi làm hồ sơ cấp đất ông không được giữ bản chính. Ông B khai có việc ông B chuyển nhượng cho ông R diện tích ao, ông Phạm Văn X là cán bộ địa chính khẳng định có sự việc này, chữ ký và chữ viết Phạm Văn X trong đơn là do ông ký và viết nên xác định tài liệu này là có thật do vậy đây là chứng cứ để đánh giá. Về hình thức: Đơn có chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông R, vợ chồng ông B, của các hộ lân cận là Nguyễn Thị T, Nguyễn Quang B, Nguyễn Thị M, của Trưởng ban địa chính xã ông Phạm Văn X và có xác nhận của Trưởng thôn ông Nguyễn Đức Đ. Ý kiến của UBND phường L: Ông Chủ tịch Đỗ Duy Q ký *“Xác nhận ông Nguyễn Quang B thôn Tr có diện tích 107m² đất thổ cư nay chuyển quyền sử dụng cho ông Lê Văn R là đúng đề nghị làm thủ tục theo pháp luật”* cụ thể: diện tích đất chuyển nhượng 107m² đất, phía Bắc giáp Y + U + M, dài 19,183m; phía Nam giáp ông R, bà T, ông B dài 18m; phía Đông giáp đất Hồi, Chi dài 5,95m; phía Tây giáp ngõ dài 6,01m.

Ngày 05/5/2016 ông Nguyễn Quang B xác nhận cho cụ H đã bán cho ông R 87m² đất là phù hợp với giấy chia ao của 3 gia đình ngày 15/12/1994, thời điểm này 3 gia đình cụ H, ông B, ông V tự chia ao với nhau, nhưng diện tích cụ thể không chính xác, chỉ đo áng chừng trên diện tích đất thực tế (như phân tích ở trên).

Theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2001 thể hiện: Thửa đất số 32 tờ bản đồ số 43 tại tổ dân phố Tr, phường L, quận A, thành phố Ph có diện tích 107,2m² người sử dụng đất là ông Lê Văn R, có chiều rộng phía Tây là 5,67m, chiều rộng phía Đông là 5,67m, chiều dài 18,7m và 19,4m. Như vậy, mặc dù hiện nay UBND huyện D không còn lưu giữ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Lê Văn R. Nhưng căn cứ vào quá trình sử dụng đất và thực tế của gia đình ông R và cụ H; Đơn xin chuyển nhượng đất ngày 02/7/2001, lời khai của các đương sự và các tài liệu xác minh khác đã phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện A1 thành phố Ph đã cấp cho ông Lê Văn R được quyền sử dụng 107m². Theo sơ đồ hiện trạng năm 2001 đất của ông Lê Văn R, thể hiện: diện tích 107,2m² (có sự sai số, chênh lệch không đáng kể) các chiều giáp ranh ổn định. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về hình thức, thẩm quyền, trình tự nội dung là đúng với qui định của pháp luật, nên không có căn cứ để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện A cấp cho ông Lê Văn R ngày 31/8/2001.

[2.3].Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng do móng nhà bị phá hủy:

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu giám định móng nhà bị phá hủy. Theo Công văn số 103/CV-TTKD ngày 21/8/2019 của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng công trình thuộc Sở Xây dựng thành phố Ph thì để đơn vị chuyên môn có căn cứ xem xét giám định xây dựng móng nhà, ban đầu cần phải có các hồ sơ xây dựng của cả hai nhà cụ H và ông R, đặc biệt là phần móng nhà bản vẽ thiết kế và thực tế xây dựng. Các tài liệu liên quan đến phần móng tranh chấp như ảnh chụp, biên bản giải quyết tranh chấp, hồ sơ ranh giới thể hiện sử dụng của hai nhà trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ, nếu điều kiện mặt bằng thực địa cho phép bộc lộ được những phần liên quan nội dung tranh chấp, sẽ thực hiện tiếp công tác khảo sát thực địa, làm cơ sở cho các bước tiếp theo. Tuy nhiên hồ sơ vụ án chỉ có đơn của cụ H và sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của cụ H và ông R ngày 25/3/2019 mà không có hồ sơ xây dựng liên quan đến phần móng nhà hai bên tranh chấp cần kiểm định chất lượng xây dựng công trình, hiện nay cả hai gia đình đang sử dụng ổn định. Những chứng cứ hồ sơ ban đầu theo yêu cầu của Trung tâm kiểm định nhưng theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn không có những tài liệu trên. Do vậy, không thể thực hiện được việc giám định được phần móng nhà (xây từ năm 2004) tranh chấp; việc cung cấp tài liệu liên quan đến chứng cứ chứng minh việc khởi kiện thuộc trách nhiệm của người khởi kiện nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.4]. Đối với tranh chấp diện tích ngõ đi chung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại diện tích ngõ đi chung:

Theo giấy chia ao ngày 15/12/1994 cả 3 gia đình thống nhất ngõ đi chung chiều rộng là 1,17m, tại trích đo sơ đồ đất năm 2001 và do thực trạng đang sử dụng ngày 25/3/2019 phần ngõ đi chung rộng 2m. Tuy nhiên ngõ đi chung theo ông Ch khai tại phiên tòa phúc thẩm là của 20 hộ dân cùng sử dụng, như vậy cần phải có ý kiến của hộ dân trong cùng đi chung ngõ này, thời điểm cụ H khởi kiện không được các hộ cùng ngõ ủy quyền, nay cụ đã chết. Mặt khác, việc tranh chấp lối đi thuộc thẩm quyền của cấp huyện. Tòa án cấp sơ thẩm đã tách và chuyển đơn khởi kiện cùng các tài liệu kèm theo đến Tòa án nhân dân quận A để giải quyết theo thẩm quyền là đúng qui định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí: Người kháng cáo do liên quan kế thừa quyền tố tụng của nguyên đơn là cụ Nguyễn Thị H là gia đình liệt sỹ, nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Ch, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Ph.

2. Án phí: Ông Nguyễn Văn Ch không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Ph;
- VKSND Tp Ph;
- Cục THADS Tp Ph;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Hạnh